

QUYẾT ĐỊNH
Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông

1. Danh mục giải thích các từ viết tắt (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp: 21 định mức kinh tế - kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

3. Lĩnh vực chăn nuôi: 05 định mức kinh tế - kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này).

4. Lĩnh vực thủy sản: 08 định mức kinh tế - kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

5. Lĩnh vực thông tin tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn: 02 định mức kinh tế - kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Định mức này là căn cứ để lập dự toán, thanh quyết toán các dự án, chương trình khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích áp dụng định mức này đối với các dự án, chương trình khuyến nông sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác để đảm bảo tính đồng bộ và chất lượng kỹ thuật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật và kiểm tra việc thực hiện định mức trên toàn tỉnh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND
ngày / / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I
DANH MỤC GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Tên đầy đủ	Viết tắt
1	Đơn vị tính	ĐVT
2	Tiêu chuẩn cơ sở	TCCS
3	Bảo vệ thực vật	BVTV
4	Gia cầm	GC
5	Vắc xin Newcastle (Gà rù - ND) và vắc xin Viêm phế quản truyền nhiễm (IB)	ND – IB
6	Vắc xin Newcastle (bệnh gà rù)	New
7	Lở mồm long móng	LMLM
8	Hệ số thức ăn	FCR

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP

1. Mô hình thâm canh lúa cải tiến (SRI) áp dụng cho lúa thuần

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lúa	kg	80	Từ cấp xác nhận trở lên	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.
2	Phân urê	kg	196		
3	Phân lân nung chảy	kg	424		
4	Phân kali	kg	117		
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

2. Mô hình trồng thâm canh cây ngô

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống ngô lai	kg	18	Hạt lai F1	Ngô đường, ngô ngọt theo lượng khuyến cáo.
2	Phân urê	kg	348	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.	
3	Phân lân nung chảy	kg	485		
4	Phân kali	kg	142		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	600		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp PVC Ø60 mm	m	150	
2	Roăng cao su Ø16 mm	cái	176	
3	Dây nhỏ giọt dẹp Ø16 mm	m	10.000	
4	Khóa Ø34 mm	cái	4	
5	T Ø34 mm	cái	4	
6	Bít Ø34 mm	cái	4	
7	Bít Ø16 mm	cái	176	
8	Keo dán	kg	2	
9	Bộ máy bơm	bộ	1	
10	Bồn ngâm phân	cái	1	

11	Bồn hòa phân	cái	1	
12	Bộ hút phân	cái	1	

3. Mô hình trồng thâm canh khoai lang

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hom giống	kg	1.500	Từ cấp xác nhận trở lên	
2	Phân urê	kg	196	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.	
3	Phân lân nung chảy	kg	364		
4	Phân kali	kg	167		
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000		
6	Vôi bột	kg	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	700		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

4. Mô hình trồng thâm canh cây sắn

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống sắn	hom	12.500	Giống sạch bệnh, tỷ lệ nảy mầm trên 95%.	
2	Phân urê	kg	304	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.	
3	Phân lân nung chảy	kg	303		
4	Phân kali	kg	300		
5	Thuốc xử lý hom giống	1.000đ	2.000		
6	Thuốc cỏ	1.000đ	2.400		
7	Thuốc BVTV	kg/lít	04		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

5. Mô hình trồng thâm canh cây đậu xanh**a. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	03	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	30	Cấp xác nhận trở lên	
2	Phân urê	kg	100	TCCS	
3	Phân lân nung chảy	kg	400		

4	Phân kali	kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng
5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp PVC Ø60 mm	m	150	
2	Roăng cao su Ø16 mm	cái	176	
3	Dây nhỏ giọt dẹp Ø16 mm	m	10.000	
4	Khóa Ø34 mm	cái	4	
5	T Ø34 mm	cái	4	
6	Bít Ø34 mm	cái	4	
7	Bít Ø16 mm	cái	176	
8	Keo dán	kg	2	
9	Bộ máy bơm	bộ	1	
10	Bồn ngâm phân	cái	1	
11	Bồn hòa phân	cái	1	
12	Bộ hút phân	cái	1	

6. Mô hình trồng thâm canh cây lạc

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống lạc	kg	220	Cấp xác nhận trở lên	
2	Phân urê	kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.	
3	Phân lân nung chảy	kg	727		
4	Phân kali	kg	150		
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000		
6	Vôi bột	kg	500		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp PVC Ø60 mm	m	150	
2	Roăng cao su Ø16 mm	cái	176	

3	Dây nhỏ giọt dẹp Ø16 mm	m	10.000	
4	Khóa Ø34 mm	cái	4	
5	T Ø34 mm	cái	4	
6	Bít Ø34 mm	cái	4	
7	Bít Ø16 mm	cái	176	
8	Keo dán	kg	2	
9	Bộ máy bơm	bộ	1	
10	Bồn ngâm phân	cái	1	
11	Bồn hòa phân	cái	1	
12	Bộ hút phân	cái	1	

7. Mô hình trồng thâm canh cây mè

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	03	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	5	TCCS	
2	Phân urê	kg	100	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.	
3	Phân lân nung chảy	kg	485		
4	Phân kali	kg	120		
5	Vôi bột	kg	400		
6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật	
	Thời gian	ngày	01		

				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp PVC Ø60 mm	m	150	
2	Roăng cao su Ø16 mm	cái	176	
3	Dây nhỏ giọt dẹp Ø16 mm	m	10.000	
4	Khóa Ø34 mm	cái	4	
5	T Ø34 mm	cái	4	
6	Bít Ø34 mm	cái	4	
7	Bít Ø16 mm	cái	176	
8	Keo dán	kg	2	
9	Bộ máy bơm	bộ	1	
10	Bồn ngâm phân	cái	1	
11	Bồn hòa phân	cái	1	
12	Bộ hút phân	cái	1	

8. Mô hình trồng thâm canh và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây ớt

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	0,25	TCCS	
2	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		

3	Phân urê	kg	260	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Phân lân nung chảy	kg	545		
5	Phân kali	kg	200		
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

9. Mô hình trồng thâm canh dưa leo theo tiêu chuẩn VietGAP

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	0,7	TCCS	
2	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
3	Phân urê	kg	260	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Phân lân nung chảy	kg	545		
5	Phân kali	kg	200		
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

10. Mô hình trồng thâm canh khổ qua theo tiêu chuẩn VietGAP**a. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống khổ qua	kg	2,5	TCCS	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng
2	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
3	Phân urê	kg	260	TCCS	
4	Phân lân nung chảy	kg	545		
5	Phân kali	kg	200		
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01		

	Thời gian	ngày	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

11. Mô hình trồng thâm canh cây bí đỏ theo tiêu chuẩn VietGAP

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	kg	1	TCCS	
2	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
3	Phân urê	kg	260	TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
4	Phân lân nung chảy	kg	545		
5	Phân kali	kg	200		
6	Phân bón lá	1.000đ	1.000		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				

	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị
--	-------------------	----------	----	--	-----------------

12. Mô hình trồng thâm canh cây dâu

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất (trồng mới)	1	Giống dâu trồng mới	cây	40.000	Tiêu chuẩn giống cây dâu	
	2	Giống dâu trồng dặm	cây	2.000		
	3	Phân urê	kg	304	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Phân lân nung chảy	kg	606		
	5	Phân kali	kg	250		
	6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000		
	7	Vôi bột	kg	1.000		
Năm thứ hai thời kỳ kiến thiết cơ bản	1	Phân urê	kg	500		
	2	Phân lân nung chảy	kg	788		
	3	Phân kali	kg	300		
	4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

13. Mô hình trồng thâm canh cây nhãn, vải theo tiêu chuẩn VietGAP

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	cây	20		
	3	Phân urê	kg	152	TCCS	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	4	Phân lân nung chảy	kg	394		
	5	Phân kali	kg	150		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	7	Vôi bột	kg	400		
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500		
Năm thứ 3	1	Phân urê	kg	200	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Phân lân nung chảy	kg	394		
	3	Phân kali	kg	200		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500		
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4)	1	Phân urê	kg	304		
	2	Phân lân nung chảy	kg	606		
	3	Phân kali	kg	350		

trở đi)	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm nước

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp 1: Ø60 mm	m	250	
2	Ống cấp 2: Ø49 mm	m	450	
3	Ống cấp 3: Ø27 mm	m	1.250	
4	T Ø60 → Ø49 mm	cái	17	
5	Khóa Ø60 mm	cái	7	
6	Bít Ø60 mm	cái	14	
7	Khóa Ø49 mm	cái	17	
8	T Ø60 mm	cái	17	
9	T Ø49 → Ø27 mm	cái	17	
10	Keo dán	kg	1,5	
11	Kẽm 2 mm	kg	9	
12	Bộ máy bơm	bộ	1	
13	Bồn ngâm phân	cái	1	
14	Bồn hòa phân	cái	1	
15	Bộ hút phân	cái	1	

14. Mô hình trồng thâm canh bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú			
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất		
	2	Giống trồng dặm	cây	20				
	3	Phân urê	kg	196	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm		
	4	Phân lân nung chảy	kg	424				
	5	Phân kali	kg	200				
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	7	Vôi bột	kg	400				
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500				
Năm thứ 3	1	Phân urê	kg	413			TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Phân lân nung chảy	kg	606				
	3	Phân kali	kg	300				
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000				
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân urê	kg	413	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.		
	2	Phân lân nung chảy	kg	606				
	3	Phân kali	kg	500				
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	5	Túi bao trái	cái	20.000				
	6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000				

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm nước*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp 1: Ø60 mm	m	250	
2	Ống cấp 2: Ø49 mm	m	340	
3	Ống cấp 3: Ø27 mm	m	1.100	
4	T Ø60 → Ø49 mm	cái	17	
5	Khóa Ø60 mm	cái	7	
6	Bít Ø60 mm	cái	14	
7	Khóa Ø49 mm	cái	17	
8	T Ø60 mm	cái	17	
9	T Ø49 → Ø27 mm	cái	17	
10	Keo dán	kg	1,5	
11	Kềm 2 mm	kg	9	
12	Bộ máy bơm	bộ	1	
13	Bồn ngâm phân	cái	1	
14	Bồn hòa phân	cái	1	
15	Bộ hút phân	cái	1	

15. Mô hình trồng thâm canh xoài theo tiêu chuẩn VietGAP**a. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình
---	---	-------	----	---------------------------------------	---------------

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú			
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Giống hỗ trợ năm thứ nhất		
	2	Giống trồng dặm	cây	20				
	3	Phân urê	kg	196	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm		
	4	Phân lân nung chảy	kg	394				
	5	Phân kali	kg	150				
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	7	Vôi bột	kg	400				
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500				
Năm thứ 3	1	Phân urê	kg	260			TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Phân lân nung chảy	kg	485				
	3	Phân kali	kg	400				
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500				
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân urê	kg	543	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.		
	2	Phân lân nung chảy	kg	606				
	3	Phân kali	kg	333				
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000				
	5	Túi bao trái	cái	70.000				
	6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.500				

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm nước*Định mức cho 1 ha*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp 1: Ø60 mm	m	250	
2	Ống cấp 2: Ø49 mm	m	450	
3	Ống cấp 3: Ø27 mm	m	1.250	
4	T Ø60 → Ø49 mm	cái	17	
5	Khóa Ø60 mm	cái	7	
6	Bít Ø60 mm	cái	14	
7	Khóa Ø49 mm	cái	17	
8	T Ø60 mm	cái	17	
9	T Ø49 → Ø27 mm	cái	17	
10	Keo dán	kg	1,5	
11	Kẽm 2 mm	kg	9	
12	Bộ máy bơm	bộ	1	
13	Bồn ngâm phân	cái	1	
14	Bồn hòa phân	cái	1	
15	Bộ hút phân	cái	1	

16. Mô hình trồng thâm canh măng cầu dai (na) theo tiêu chuẩn VietGAP**a. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình
---	---	-------	----	---------------------------------------	----------------

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)	1	Giống trồng mới	cây	1.100	Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30cm	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Giống trồng dặm	cây	50		
	3	Phân urê	kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Phân lân nung chảy	kg	970		
	5	Phân kali	kg	200		
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
	7	Vôi bột	kg	1.000		
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		
Năm thứ 2 + năm thứ 3	1	Phân urê	kg	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Phân lân nung chảy	kg	970		
	3	Phân kali	kg	300		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)	1	Phân urê	kg	652	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	2	Phân lân nung chảy	kg	1.455		
	3	Phân kali	kg	600		
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000		
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật	
	Thời gian	ngày	01		

				- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm nước

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp 1: Ø60 mm	m	200	
2	Ống cấp 2: Ø27 mm	m	3.400	
3	Ống cấp 3: Ø21 mm	m	1.112	
4	Khóa Ø60 mm	cái	2	
5	Bít Ø60 mm	cái	2	
6	T Ø60 mm	cái	2	
7	T Ø60 → Ø27 mm	cái	68	
8	T Ø27 → Ø21 mm	cái	1.112	
9	Béc phun	cái	1.112	
10	Nối ống Ø27 mm	cái	34	
11	Khóa Ø27 mm	cái	68	
12	Bộ bít Ø27 mm ren trong hoặc ren ngoài	cái	68	
13	Keo dán	kg	1,5	
14	Kẽm 2 mm	kg	12	
15	Bộ máy bơm	bộ	1	
16	Bồn ngâm phân	cái	1	
17	Bồn hòa phân	cái	1	
18	Bộ hút phân	cái	1	

17. Mô hình trồng thâm canh và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây chanh leo

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình
---	---	-------	----	---------------------------------------	---------------

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	cây	1.300	Cây giống ghép, mầm ghép $\geq 30\text{cm}$	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Giống trồng dặm	cây	60		
	3	Cột bê tông	cột	500	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	
	4	Phân urê	kg	152		
	5	Phân lân nung chảy	kg	970		
	6	Phân kali	kg	600		
	7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000		
	8	Chế phẩm sinh học	kg	60		
	9	Vôi bột	kg	1.000		
	10	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000		
Năm thứ hai	1	Phân urê	kg	402		
	2	Phân kali	kg	1.100		
	3	Chế phẩm sinh học	kg	80		
	4	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

18. Mô hình trồng thâm canh dứa xiêm theo tiêu chuẩn VietGAP

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú			
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)	1	Giống trồng mới	cây	156	Cây giống cao ≥ 50 cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất		
	2	Giống trồng dặm	cây	8				
	3	Phân urê	kg	100	TCCS	Lượng vật tư sử dụng cho từng năm		
	4	Phân lân nung chảy	kg	667				
	5	Phân kali	kg	117				
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500				
	7	Vôi bột	kg	300				
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000				
Năm thứ 3	1	Phân urê	kg	152			Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng	Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	2	Phân lân nung chảy	kg	667				
	3	Phân kali	kg	200				
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500				
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000				
Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4)	1	Phân urê	kg	200				
	2	Phân lân nung chảy	kg	848				
	3	Phân kali	kg	300				

trở đi)	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.500			
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000			

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

d. Định mức hệ thống tưới tiết kiệm nước

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ống cấp 1 Ø60 mm	m	150	
2	Roăng cao su Ø16 mm	cái	176	
3	Dây nhỏ giọt dẹp Ø16 mm	m	15.000	
4	Khóa Ø34 mm	cái	4	
5	T Ø34 mm	cái	4	
6	Bít Ø34 mm	cái	4	
7	Bít Ø16 mm	cái	150	
8	Keo dán	kg	2	
9	Bộ máy bơm	bộ	1	
10	Bồn ngâm phân	cái	1	
11	Bồn hòa phân	cái	1	
12	Bộ hút phân	cái	1	

19. Mô hình trồng thâm canh cây gừng

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình
---	---	-------	----	---------------------------------------	---------------

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	củ	1.300	Củ không sâu bệnh	Lượng phân sử dụng cho từng năm: 1, 2, 3
2	Phân urê	kg	226	TCCS Quy đổi từ phân NPK 20-20-15	
3	Phân lân nung chảy	kg	630		
4	Phân kali	kg	130		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

20. Mô hình trồng thâm canh cây nghệ

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Công cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, vật tư

Định mức cho 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Áp dụng cho trồng thuần				
1	Giống	củ/kg	50.000/ 4.000	Củ sạch bệnh, đồng đều	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.
2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000		
3	Phân urê	kg	435		
4	Phân lân nung chảy	kg	727		
5	Phân kali	kg	333		
II	Áp dụng cho trồng xen				
1	Giống	củ/kg	25.000/ 2.000	Củ sạch bệnh, đồng đều	

2	Phân vi sinh	kg	2.000	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng.
3	Phân urê	kg	217	
4	Phân lân nung chảy	kg	545	
5	Phân kali	kg	167	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

21. Mô hình trồng thâm canh cây mắc ca

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng	20	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng.

b. Định mức giống, vật tư

b1. Theo phương thức trồng thuần

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Trồng mới	1	Giống trồng mới	cây	280	TCCS Quy đổi từ phân NPK 20-20-15	
	2	Giống trồng dặm	cây	28		
	3	Vôi bột	kg	84		
	4	Phân urê	kg	61		
	5	Phân lân nung chảy	kg	170		
	6	Phân kali	kg	35		
Chăm sóc	1	Vôi bột	kg	28	Lượng phân sử	
	2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	560		

năm 2, năm 3	3	Phân urê	kg	24		dụng cho từng năm
	4	Phân lân nung chảy	kg	68		
	5	Phân kali	kg	14		

b2. Theo phương thức trồng xen

Định mức cho 1 ha

Thời kỳ	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
Trồng mới	1	Giống trồng mới	cây	110	Cây ghép ≥ 6 tháng tuổi, Hvn chồi ghép đã hóa gỗ ≥ 20 cm, Hvn cây ghép ≥ 50 cm, Góc ≥ 1 cm TCCS Quy đổi từ phân NPK 20-20-15	Lượng phân sử dụng cho từng năm
	2	Giống trồng dặm	cây	11		
	3	Vôi bột	kg	33		
	4	Phân urê	kg	24		
	5	Phân lân nung chảy	kg	67		
	6	Phân kali	kg	14		
Chăm sóc năm 2, năm 3	1	Vôi bột	kg	11		
	2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	220		
	3	Phân urê	kg	10		
	4	Phân lân nung chảy	kg	27		
	5	Phân kali	kg	6		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	lần	01	- Theo Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: CHĂN NUÔI

1. Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm an toàn sinh học

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình (Quy mô 2.000-3.000 con)

b. Định mức giống, thiết bị, vật tư

Định mức tính cho 01 con

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	04		
2	Con giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố Tiêu chuẩn cơ sở. Độ tuổi: 01 ngày tuổi.	
3	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	06	Tỷ lệ protein thô $\geq 17\%$	
4	Vắc xin	Liều	07	(2) Gum; (2) ND – IB; (1) New; (1) Đậu, (1) cúm GC	
5	Thuốc sát trùng (500 con/lít)	Lít	0,002	Chưa quy đổi ra dung dịch pha loãng	
6	Chế phẩm sinh học	Kg (Lít)	0,05		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Đối tượng: người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

2. Mô hình chăn nuôi bò đực giống

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, thiết bị, vật tư*Định mức tính cho 1 con*

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	17		
2	Giống	Con	01	Khối lượng ≥ 300 kg/con	
3	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (3,0 kg/con/ngày)	Kg	1.530		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Đối tượng: người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

3. Mô hình nâng cao chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo (TTNT)**a. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức giống, thiết bị, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tinh đông lạnh	Liều/con	02		
2	Ni tơ lỏng	Lít/con	02		
3	Găng tay, ống ghen	Bộ/con	02		
4	Bình Nitơ (3-4 lít)	Cái/điểm	02		
5	Bình Nitơ (40-50 lít)	Cái/điểm	01		
6	Súng bắn tinh	Cái/điểm	02		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

4. Mô hình vỗ béo bò thịt chất lượng cao

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức giống, thiết bị, vật tư

Định mức tính cho 10 con

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	03		
2	Giống	Con	10		
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	10		
4	Thuốc bổ	Liều	10		
5	Thức ăn phối trộn				
-	Bột sắn	Kg	1.350		
-	Bột bắp	Kg	270		
-	Khô dầu lạc	Kg	486		
-	Rỉ mật	Kg	540		
-	Premix khoáng	Kg	27		
-	Muối	Kg	27		
6	Cỏ ủ chua				
-	Cỏ tươi	Kg	9.000		
-	Cám gạo hoặc bột bắp	Kg	270		
-	Muối	Kg	45		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Đối tượng: người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

5. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình
---	------------------------------------	-------	----	---------------------------------------	---------------

b. Định mức giống, thiết bị, vật tư

Định mức tính cho 1 con

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	11		
2	Dê cái lai	Kg/Con	18 - 22	Giống có nguồn gốc.	
3	Dê đực giống lai	Kg/Con	28 - 32		
4	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực giống	Kg/Con	115		
5	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ	Kg/con	115		
6	Vắc-xin	Liều/con	08	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu	
7	Tàng đá liếm	Kg/con	02		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Đối tượng: người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC: THỦY SẢN

1. Nuôi thương phẩm cá chạch đồng (*Misgurnus anguillicaudatus*) trong ao đất
a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 5.000 m²

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ Mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Hệ thống quạt nước	Bộ/ Mô hình	02		
3	Máy phát điện	Bộ/ Mô hình	01		
4	Dụng cụ: Thuyền, lưới, xô, chậu, vợt...	Bộ/ Mô hình	01		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao...				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	05		
2	Giống: Cá chạch đồng	Con/m ²	40	- Cỡ giống: 5 - 6cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	≤ 1,7	- Hàm lượng Protein ≥ 30%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống	%		≥ 70	
5	Kích cỡ thương phẩm	gam/con		≥ 30	

6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 30 triệu đồng/ha)	
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.	Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

2. Nuôi thương phẩm cá rô phi, điêu hồng (*Oreochromis sp.*) trong lồng bè trên hồ chứa

a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 300 m³

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	07	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xít nước	Bộ/mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/tiến bộ kỹ thuật được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình.			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	06		
2	Giống: Cá Điêu hồng	Con/m ³	100	- Cỡ giống: ≥ 6 cm. - Cá khỏe mạnh.	

				- Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	$\leq 1,8$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống	%		≥ 80	
5	Kích cỡ thương phẩm	Gam/con		≥ 500	
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 10 triệu/100m ³)			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

3. Nuôi thương phẩm cá lăng nha (*Hemibagrus wyckioides*) trong ao đất

a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 3.000 m²

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ Mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Hệ thống quạt nước	Bộ/	02		

		Mô hình		
3	Máy phát điện	Bộ/ Mô hình	01	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ/ Mô hình	01	
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao...			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	08		
2	Giống: Cá Lăng nha	Con/m ²	04	- Cỡ giống: 10 - 20g; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	≤ 2	- Hàm lượng Protein ≥ 35%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống	%		≥ 90	
5	Kích thước thu	Gam/con		≥ 420	
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 30 triệu/ha)			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/ hội nghị

4. Nuôi cá thát lát cườm (*Chitala ornata*) thương phẩm trong lồng bè trên hồ chứa

a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 300 m³

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng /cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/tiến bộ kỹ thuật được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	08		
2	Giống: Cá Thát Lát Cườm	Con/m ³	50	- Cỡ giống: ≥ 8 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	$\leq 2,0$	- Hàm lượng Protein $\geq 25\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống	%		≥ 85	
5	Kích cỡ đạt	Gam/con		≥ 400	
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 10 triệu/100m ³)			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh,	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

	môi trường...)		
--	----------------	--	--

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/ hội nghị

5. Nuôi cua xanh (*Scylla paramamosain*) lột trong hộp nhựa trong nhà bằng hệ thống nước lợ - mặn tuần hoàn từ nguồn giống cua 1, cua 2**a. Định mức lao động**

Quy mô: Áp dụng cho 10.000m² ao và 800 hộp

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	07	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hộp nhựa	cái	800	Kích cỡ: 26 x 32 x 30cm	Mức hỗ trợ theo hiện hành
2	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01		
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01		
6	Hệ thống nuôi cua lột bằng hộp nhựa tuần hoàn nước	Theo quy trình/tiến bộ kỹ thuật được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình			

c. Định mức giống, vật tư

Giai đoạn nuôi thịt

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	04		

2	Giống: Cua 1, cua 2	Con/m ²	2	- Cỡ giống: 0,5 - 0,7 cm. - Cua khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	≤ 5	- Cá tạp	
4	Tỷ lệ sống	%	≥ 40		
5	Kích cỡ thu	gam/con	≥ 200		
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 30 triệu/ha)			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

Giai đoạn nuôi lột

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	02		
2	Cua thịt	Con/hộp	1	- Cỡ cua: ≥ 200 g/con; - Cua khỏe mạnh; - Không gây các phản phụ.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	≤ 5	- Cá tạp	
4	Tỷ lệ sống	%	≥ 90		
5	Kích cỡ cua lột	gam/con	≥ 250		
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

6. Nuôi thương phẩm ếch (*Rana tigrina*) trong ao

a. Định mức lao động*Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m²*

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/ mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, lưới, vợt, ...	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Máy bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	04		
2	Giống: Éch	Con/m ²	40-60	- Cỡ giống: $\geq 20g$; - Éch khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
3	Hệ số thức ăn	FCR	$\leq 1,8$	- Hàm lượng đạm $\geq 25\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống	%		≥ 60	
5	Kích cỡ thương phẩm	gam/con		≥ 200	
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 30 triệu đồng/ha)			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	--------------------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/ hội nghị

7. Nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) hai giai đoạn ứng dụng công nghệ semi-biofloc

a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m²

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	04	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	01-02		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	03-04		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
5	Máy phát điện	Mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Thời gian nuôi	Tháng	03	Quy cỡ giống PL12, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Giống tôm thẻ chân trắng				
	Giai đoạn 1	con/m ²	1.000		
	Giai đoạn 2	con/m ²	180-200		

3	Hệ số thức ăn	FCR	\leq 1,08	- Hàm lượng protein 35-43%; - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
4	Tỷ lệ sống (giai đoạn ương và nuôi thương phẩm)	%	\geq 80,0		
5	Kích cỡ thương phẩm	gam/con	\geq 13,0		
6	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, mật đường...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
7	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1	\leq 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/hội nghị

8. Nuôi tổng hợp các loài thủy sản dưới tán cây ngập mặn theo hướng sinh thái gắn với bảo vệ môi trường

a. Định mức lao động

Quy mô: Áp dụng cho 10.000m²

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Người/mô hình

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, sồng, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ/mô hình	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	Nông dân đối ứng
2	Thiết bị, dụng cụ: Lồng bắt, lưới thu tôm, cua, cá	Bộ/mô hình	10		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống tôm sú (<i>Peaeus Monodon</i>)	Tôm sú giai đoạn 1	con	71.500	- Cỡ giống PL 15; - Tôm khỏe mạnh; - Nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
		Tôm sú giai đoạn 2	con/m ²	≤ 10	
	hoặc tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Tôm thẻ giai đoạn 1	con	143.000	- Cỡ giống PL 12; - Tôm khỏe mạnh; - Nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
		Tôm thẻ giai đoạn 2	con/m ²	≤ 20	
2	Giống cua xanh (<i>Scylla serrata</i>)	con/m ²	≤ 0,5	- Cỡ giống 2,0-2,5 cm; - Cua khỏe mạnh; - Nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	
		con	1.000		
3	Giống cá chua (<i>Chanos chanos</i>) hoặc cá dìa (<i>Siganus gustatus</i>), hoặc cá đối mực (<i>Mugil cephalus</i>)	con/m ²	≤ 0,1	- Cỡ giống cá chua và cá dìa 6-10 cm, cá đối mực >4cm - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	
		con	500		
4	Hệ số thức ăn	FCR	≤ 0,5	- Hàm lượng protein 35-42%; Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
5	Tỷ lệ sống nuôi thương phẩm				
	- Tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng	%	≥ 60		
	- Cua xanh	%	≥ 40		
	- Cá chua hoặc cá dìa hoặc cá đối mực	%	≥ 80		
6	Kích cỡ thương phẩm				
	- Tôm	gam/con	≥ 20		
	- Cua	gam/con	≥ 250		
	- Cá	gam/con	≥ 300		
7	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành. (Định mức hỗ trợ ≤ 5,0 triệu đồng/ha)			
8	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			Nông dân đối ứng

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Quy định pháp luật và tài liệu hướng dẫn có liên quan.	
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/ hội nghị

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
VÀ TẬP HUẤN

1. Thông tin tuyên truyền: Tin, bài tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử khuyến nông

a. Khung nhuận bút

TT	Thể loại	Đơn vị độ dài tin, bài	Số lượng độ dài tin, bài	Hệ số giá trị tin, bài	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút	Ghi chú
01	- Tin - Trả lời bạn đọc	½ trang A4	1	1	Bằng 10% mức tiền lương cơ sở	
02	Bài viết	01 trang A4	1	2		
03	Thù lao thành viên ban biên tập (kiêm nhiệm)	Bằng 20% mức chi nhuận bút tin, bài				

b. Quy định về đơn vị độ dài tin, bài

- Một trang A4 là 01 trang có số từ tương đương với 500 từ, chữ thường, cỡ chữ 13;
- Một bài hoặc tin có số từ tương đương 250 từ thì được tính tròn thành ½ (một nửa) trang A4;
- Một bài hoặc tin có số từ tương đương 500 từ thì được tính tròn thành 01 (một) trang A4;
- Tin viết, trả lời bạn đọc được tính theo ½ (một nửa) trang A4.

c. Cách tính nhuận bút:

Nhuận bút = Hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút

Trong đó:

- *Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tin bài x Hệ số giá trị tin bài;*
- *Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương cơ sở.*

2. Đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn: Tập huấn nâng cao năng lực cho khuyến nông viên, cộng tác viên, tổ khuyến nông cộng đồng

- Địa điểm tổ chức: Trong tỉnh.
- Số người tham dự: 30 người/lớp.
- Số ngày tổ chức: 02 ngày. Trong đó: 1,5 ngày lý thuyết; 0,5 ngày tham quan.

- Đối tượng tập huấn: Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công các xã, phường; khuyến nông viên, công tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công giảng viên	Ngày/người	1,5		
2	Công trợ giảng	Ngày/người	1,5		
3	Công hướng dẫn tham quan	Ngày/người	01		

b. Định mức học liệu, vật tư

TT	Tên tài liệu, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tài liệu	Bộ	30	Tài liệu đảm bảo yêu cầu về chuyên môn và thể thức	
2	Văn phòng phẩm (Vở ghi chép, bút, túi đựng tài liệu)	Bộ	30		
3	Vật tư học tập, thực hành	Theo yêu cầu thực tế			